



Báo cáo THỊ TRƯỜNG THÉP

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường thép trong nước và thế giới.

www.vietnambiz.vn

THÁNG 7
2022

Nội dung:

Minh Anh

Lan Hương

Phùng Đức Quyền

Thiết kế:

Justin Bui

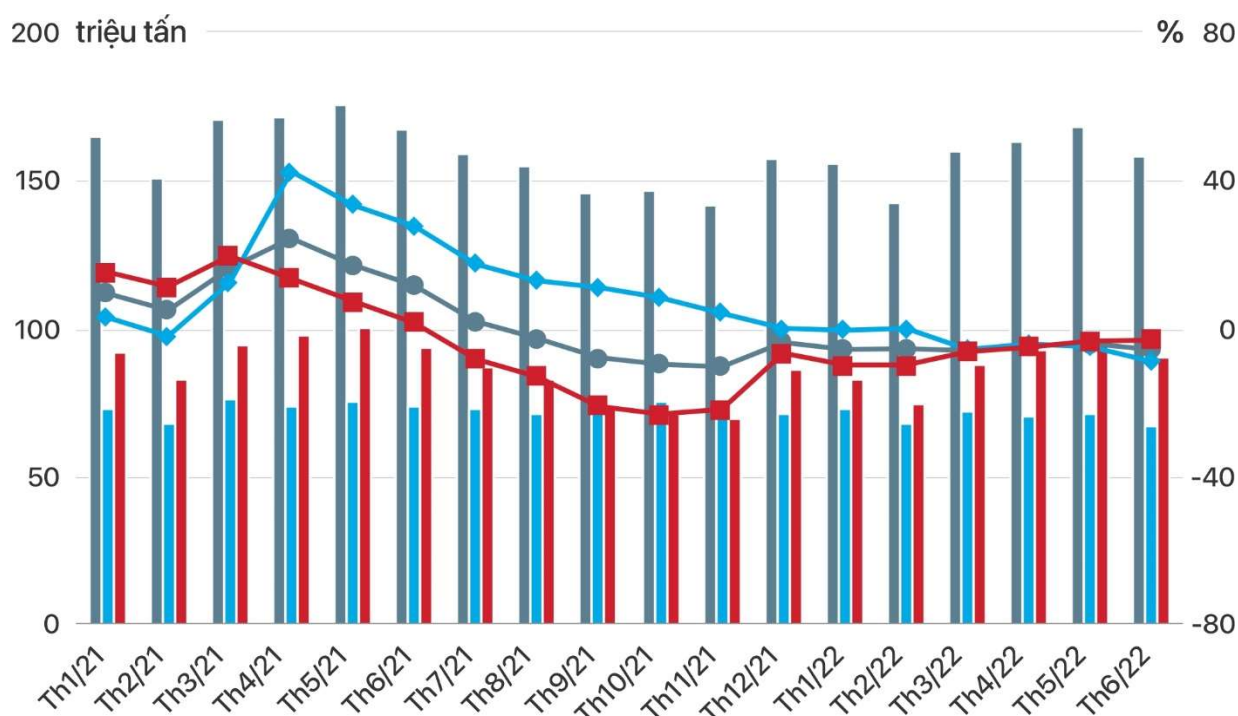
TÓM TẮT	03
PHẦN I: THỊ TRƯỜNG THÉP THẾ GIỚI	04
1. Sản lượng thép thế giới	04
2. Diễn biến xuất nhập khẩu	05
3. Diễn biến giá	07
4. Dự báo	08
PHẦN II: THỊ TRƯỜNG THÉP TRUNG QUỐC	09
1. Sản lượng	09
2. Xuất nhập khẩu, tồn kho	10
3. Diễn biến giá	11
PHẦN III: THỊ TRƯỜNG THÉP VIỆT NAM	13
1. Sản lượng và tiêu thụ thép Việt Nam	13
2. Giá thép trong nước	14
3. Dự báo	17
PHẦN IV: CHÍNH SÁCH	19
1. Chính sách của Việt Nam	19
2. Chính sách các nước trên thế giới	22
PHẦN V: HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH	25
PHỤ LỤC:	35

- Trong 7 tháng đầu năm, kinh tế toàn cầu khó khăn khi lạm phát tăng cao, các ngành sản xuất tăng trưởng chậm lại, trong đó có các ngành công nghiệp sử dụng thép.
- Sản lượng thép thô thế giới tháng 6 tiếp tục giảm do giá nguyên liệu giảm mạnh. Theo số liệu của Hiệp hội Thép Thế giới (Worldsteel), sản lượng thép thô thế giới của 64 quốc gia đạt 158,1 triệu tấn trong tháng 6, giảm 5,9% so với cùng kỳ năm trước.
- Trung Quốc, nước sản xuất thép lớn nhất thế giới, tiếp tục ghi nhận giảm về sản lượng trong tháng 6 khi đạt 90,7 triệu tấn, giảm 3,3% so với tháng 6/2021. Tuy nhiên, ngay cả khi những hạn chế đó được nới lỏng, sản lượng trong tháng 6 vẫn giảm cũng có thể dự đoán về những gì sẽ xảy ra tiếp theo đối với ngành thép toàn cầu
- Trong tháng 7, giá thép Trung Quốc nói chung đã giảm đáng kể, và sau giữa tháng 7, giá thép đã tăng trở lại.
- Giá nguyên vật liệu sản xuất thép biến động mạnh, cụ thể giá các loại quặng sắt, thép phế, than cốc hồi đầu quý II/2022 đến nay liên tục giảm, với mức giảm 40-50% so với hồi cuối quý I/2022.
- Tại Việt Nam, nhu cầu nội địa yếu, giá thép giảm có thể khiến nhà đầu tư dễ tiếp cận với các công trình đầu tư công đã được phê duyệt hơn, nhưng phụ thuộc vào tiến độ giải ngân các dự án.
- VSA dự báo các doanh nghiệp thép trong nước sẽ tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức và những yếu tố bất ổn trong 6 tháng cuối năm 2022.
- Cuối quý II, các doanh nghiệp ngành thép cho thấy lợi nhuận toàn ngành ghi nhận sụt giảm. Giá bán thép thành phẩm liên tục đi xuống khiến cho doanh thu bị ảnh hưởng trong khi giá vốn hàng bán và chi phí thép tồn kho từ các tháng trước vẫn còn cao, dẫn tới lợi nhuận gộp của nhiều doanh nghiệp thép sa sút.

PHẦN I: THỊ TRƯỜNG THÉP THẾ GIỚI

1. Sản lượng thép thế giới

Sản lượng thép thô thế giới tháng 6 tiếp tục giảm do giá nguyên liệu giảm mạnh. Theo số liệu của Hiệp hội Thép Thế giới (Worldsteel), sản lượng thép thô thế giới của 64 quốc gia đạt 158,1 triệu tấn trong tháng 6, giảm 5,9% so với cùng kỳ năm trước.



Biểu đồ 1: Sản lượng thép thô thế giới đến tháng 6/2022 (Nguồn: World Steel).

Trung Quốc, nước sản xuất thép lớn nhất thế giới, tiếp tục ghi nhận giảm về sản lượng trong tháng 6 khi đạt 90,7 triệu tấn, giảm 3,3% so với tháng 6/2021. Trừ Ấn độ, thì các nước có sản lượng thép thô lớn khác như Mỹ, Nga, Iran cũng giảm từ 2,2% đến 10,8%.

SST	QUỐC GIA	SẢN LƯỢNG T6/2022	THAY ĐỔI SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC	SẢN LƯỢNG T6/2022	THAY ĐỔI SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
1	Trung Quốc	90,7	-3,3%	526,9	-6,5%
2	Ấn Độ	10	6,3%	63,2	8,8%
3	Nhật Bản	7,4	-8,1%	46	-4,3%
4	Mỹ	6,9	-4,2%	41,1	-2,2%
5	Nga	5	-22,2%	35,4	-7,2%
6	Hàn Quốc	5,6	-6%	33,8	-3,9%
7	Đức	3,2	-7 %	19,6	-5,5%
8	Thổ Nhĩ Kỳ	2,9	-13,1%	19	-4,6%
9	Brazil	2,9	-6,1%	17,4	-2,9%
10	Iran	2,2	-10,8%	13,6	-10,8%

Bảng 1: 10 quốc gia có sản lượng thép thô lớn nhất thế giới (Đơn vị: triệu tấn).

Nguồn: Worldsteel).

2. Diễn biến xuất nhập khẩu

a. Tình hình xuất khẩu

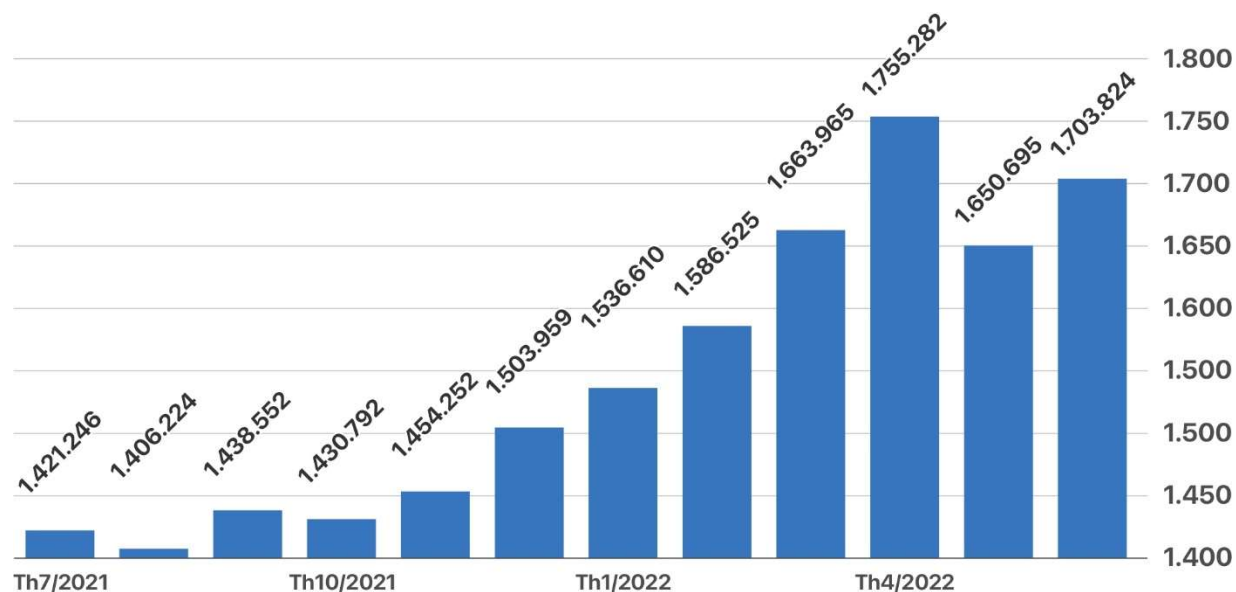


Nhật Bản: Theo số liệu từ Liên đoàn Sắt thép Nhật Bản (JISF), xuất khẩu thép nước này đạt gần 3.092 tấn trong tháng 6, tăng 2,4% với tháng liền trước và đi ngang so với cùng kỳ năm trước.

Hàn Quốc quay lại thị trường xuất khẩu lớn nhất của Nhật trong tháng 6 với lượng xuất khẩu đạt 550.199 tấn, tăng 21,2% so với tháng trước và tăng 33,5% so với cùng kỳ. Tiếp đó là Trung Quốc với 324.006 tấn; Thái Lan với 495.844 tấn...



Mỹ: Theo số liệu từ *US International trade commission*, giá trị xuất khẩu sắt thép và các sản phẩm sắt thép của Mỹ trong tháng 6 đạt 1.703,82 triệu USD, tăng 3,2% so với tháng trước.



Biểu đồ 2: Giá trị xuất khẩu sắt thép hàng tháng của Mỹ (Đơn vị: triệu USD).
 Nguồn: *Trading Economics*).

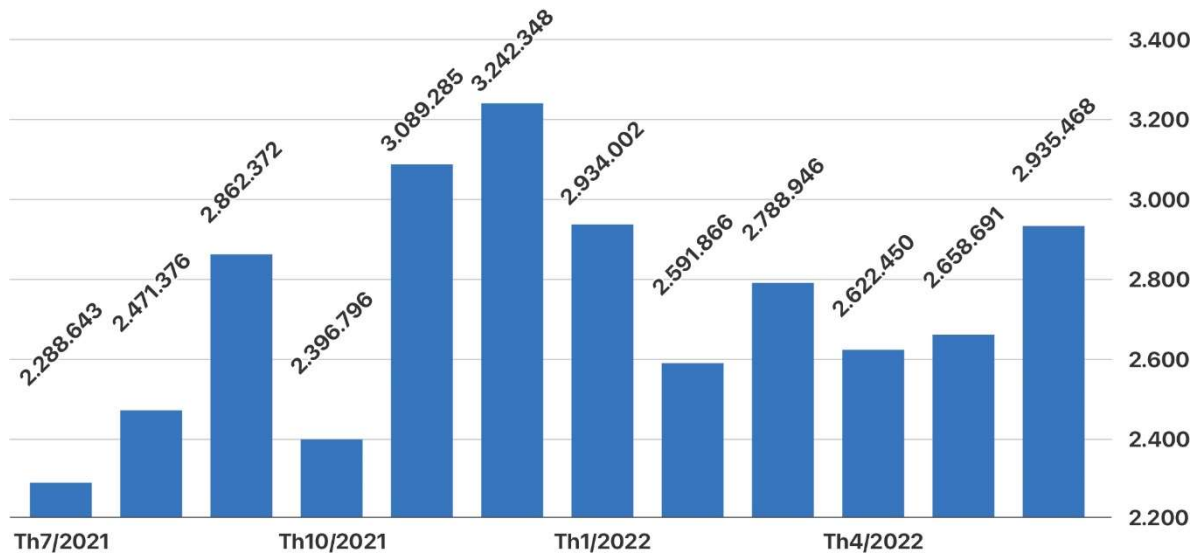
b. Tình hình nhập khẩu



Nhật Bản: Theo JIFS, Nhật Bản đã nhập khẩu 673.086 tấn thép trong tháng 6, tăng 11,6% so với tháng trước và tăng 13,3% so với cùng kỳ năm trước. Hàn Quốc tiếp tục là nước xuất khẩu nhiều sắt thép nhất sang Nhật với 261.976 tấn trong tháng 6.



Mỹ: Giá trị nhập khẩu sắt thép của Mỹ trong tháng 6 đạt gần 2.935,47 triệu USD, tăng 10,41 % so tháng trước, theo *Trading Economic*.



Biểu đồ 3: Giá trị nhập khẩu sắt thép hàng tháng của Mỹ (Đơn vị: triệu USD).
 Nguồn: Trading Economics).

3. Diễn biến giá

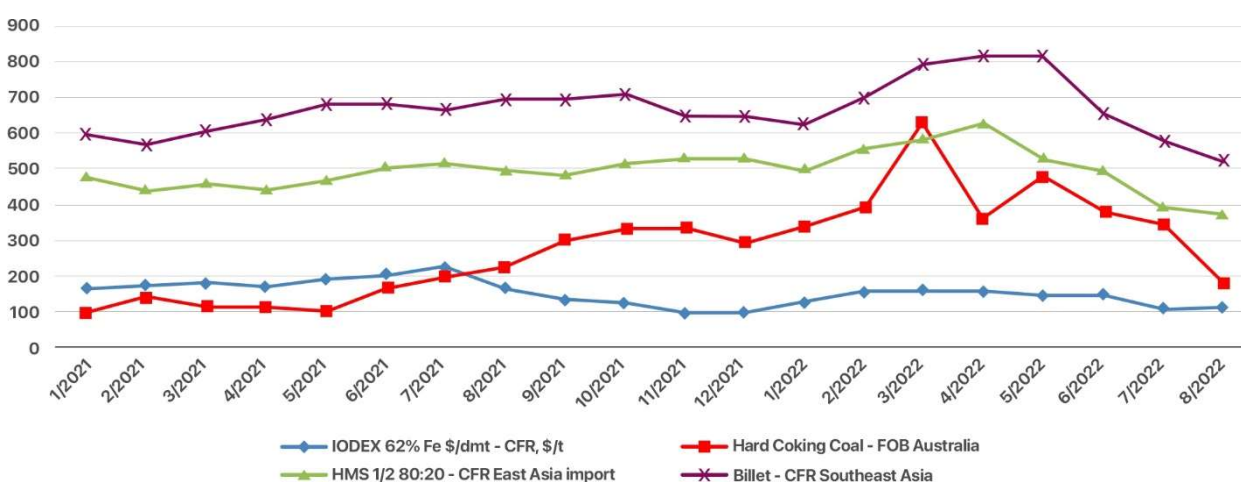
Theo Hiệp hội thép Việt Nam (VSA), trong 7 tháng đầu năm, kinh tế toàn cầu khó khăn khi lạm phát tăng cao, các ngành sản xuất tăng trưởng chậm lại, trong đó có các ngành công nghiệp sử dụng thép. Giá nguyên vật liệu sản xuất thép biến động mạnh, cụ thể giá các loại quặng sắt, thép phế, than cốc hồi đầu quý II/2022 đến nay liên tục giảm, với mức giảm 40-50% so với hồi cuối quý I/2022, các doanh nghiệp sản xuất thép bị ảnh hưởng rất lớn, hoạt động sản xuất kinh doanh khó khăn, hiệu quả thấp.

Cụ thể, giá than mỡ luyện cốc (Hard coking coal) xuất khẩu tại cảng Úc ngày 9/8/2022 giao dịch ở mức khoảng 183 USD/tấn FOB, giảm mạnh so với mức ~520 USD hồi tháng 4/2022 trước đó.

Giá quặng sắt loại (62% Fe) ngày 9/8/2022 giao dịch ở mức 108,55 - 109,05 USD/Tấn CFR cảng Thiên Tân, Trung Quốc, giảm khoảng 4,2 USD/tấn so với thời điểm đầu tháng 7/2022. Mức giá này giảm khoảng 102-104 USD/tấn so với mức giá cao nhất được ghi nhận hồi đầu tháng 5/2021 (~210 - 212 USD/tấn).

Giá thép phế nội địa giảm mạnh từ 1.000 đồng/Kg đến 1.400 đồng/Kg giữ mức khoảng 8.500-9.000 đồng/Kg. Giá phế nhập khẩu giảm 130 USD/tấn giữ mức 370 USD/tấn CFR vào cuối tháng 7-đầu tháng 8/2022.

Giá thép phế liệu loại HMS ½ 80:20 nhập khẩu cảng Đông Á ở mức 370 USD/tấn CFR Đông Á ngày 9/8/2022 giảm 25 USD/tấn so với hồi đầu tháng 7/2022.



Biểu đồ 4: Giá nguyên liệu sản xuất thép năm 2022 (Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: VSA).

4. Dự báo

Theo dự báo của Hiệp hội Thép Thế giới (Worldsteel) mới đây, nhà sản xuất thép lớn nhất thế giới, Trung Quốc, đã chứng kiến sản lượng thép trong 06 tháng đầu năm nay giảm 6,5% so với năm ngoái, một phần do ảnh hưởng của chính sách zero Covid.

Tuy nhiên, ngay cả khi những hạn chế đó được nới lỏng, sản lượng trong tháng 6 vẫn thấp hơn 3,3% so với năm trước. Sản lượng sản xuất thép giảm cũng có thể dự đoán về những gì sẽ xảy ra tiếp theo đối với ngành thép toàn cầu.

Với tỷ lệ lạm phát tràn lan trên toàn cầu, chính sách điều chỉnh lãi suất của các ngân hàng trung ương khiến các chuyên gia lo ngại nền kinh tế sẽ bị đẩy vào suy thoái, do đó nhu cầu sẽ giảm đối với tất cả các mặt hàng, không chỉ riêng thép.

PHẦN II:

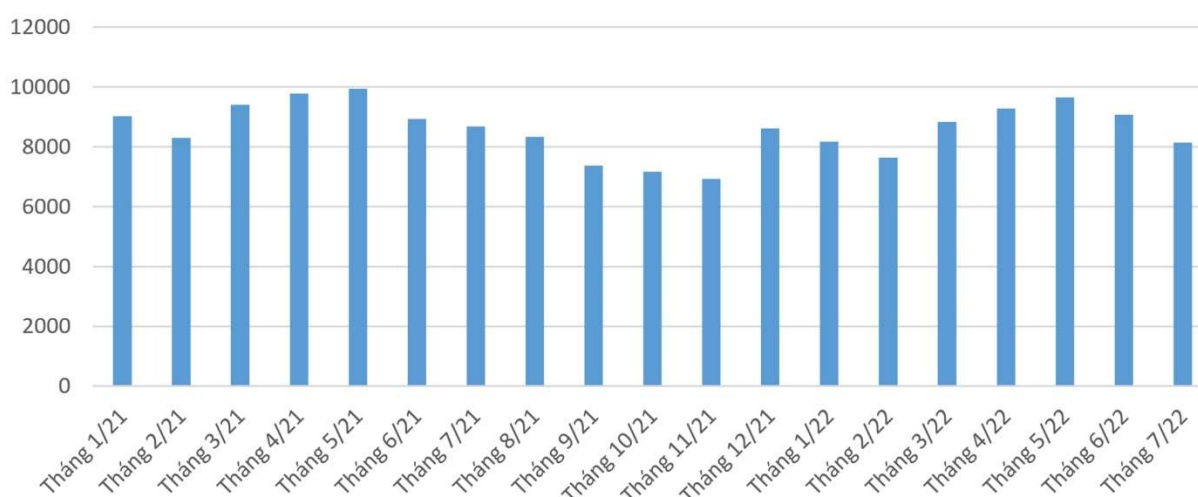
THỊ TRƯỜNG THÉP TRUNG QUỐC

1. Sản lượng

Theo Cục Thống kê Quốc gia (NBS), sản lượng thép thô, gang và sản phẩm thép thành phẩm của Trung Quốc vào tháng 7 đạt lần lượt là 81,43 triệu tấn, 70,49 triệu tấn và 106,24 triệu tấn, giảm 6,4%; 3,6% và 5,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Sản lượng bình quân hàng ngày là 2,6 triệu tấn, 2,3 triệu tấn và 3,4 triệu tấn, giảm tương ứng 13%, 11,3% và 13,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong 7 tháng đầu năm, Trung Quốc đã sản xuất 609,28 triệu tấn thép thô, 510,9 triệu tấn gang và 776,5 triệu tấn sản phẩm thép, lần lượt giảm 6,4%, 4,5% và 4,6% so với cùng kỳ năm trước.



Biểu đồ 4: Diễn biến sản lượng thép Trung Quốc (Đơn vị 10.000 tấn. Nguồn: NBS).

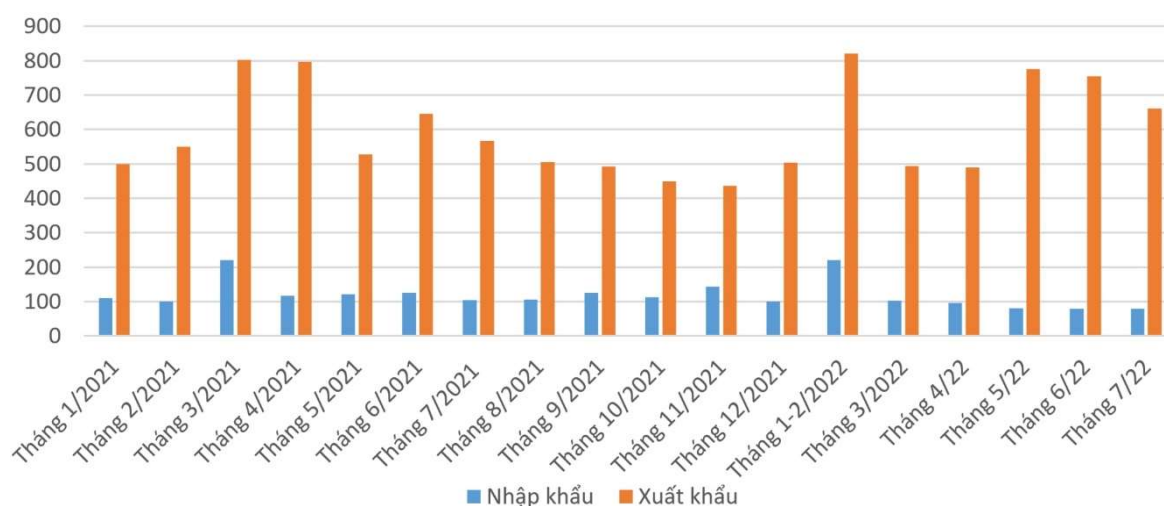
Tại ngày 28/7, tỷ lệ vận hành lò cao (BF) trên cơ sở công suất của các nhà máy thép lớn trong nước là 82,87%, giảm 6,38 điểm phần trăm so với cuối tháng 6 và tỷ lệ vận hành BF trên sản lượng là 84,91%, giảm 5,87 điểm phần trăm so với cuối tháng 6. Đối với lò điện hồ quang (EAF), tỷ lệ vận

hành trên cơ sở công suất là 56,56%, giảm 0,07 điểm phần trăm và tỷ lệ vận hành trên sản lượng là 59,15%, tăng 2,94 điểm phần trăm so với cuối tháng 6.

2. Xuất nhập khẩu, tồn kho

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, trong tháng 7, Trung Quốc xuất khẩu 6,6 triệu tấn thép thành phẩm, tăng hơn 1 triệu tấn, tương đương 17,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngược lại, nhập khẩu thép đạt 789.000 tấn, giảm 260.000 tấn, tương đương 25% so với cùng kỳ.

Lũy kế 7 tháng đầu năm, quốc gia này xuất khẩu hơn 40 triệu tấn thép, giảm gần 3 triệu tấn, tương đương 7% so với cùng kỳ; nhập khẩu đạt 6,6 triệu tấn, giảm 1,8 triệu tấn, tương đương 22%.

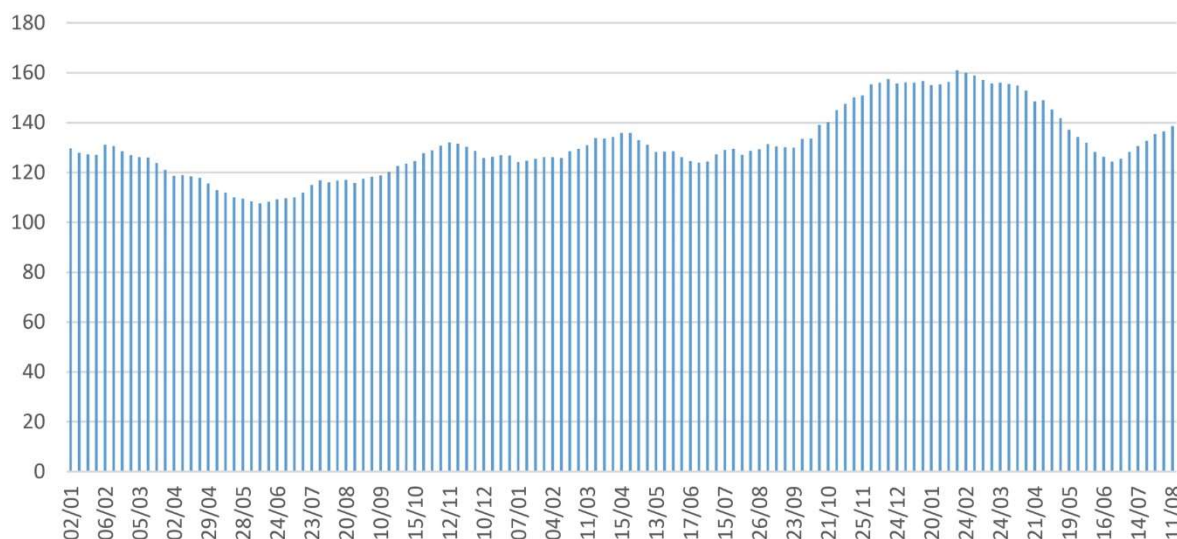


Biểu đồ 5: Diễn biến xuất nhập khẩu thép Trung Quốc (Đơn vị: 10.000 tấn. Nguồn: NBS).

Trong tuần từ ngày 08 – 14/08, các lô hàng quặng sắt của Australia sang Trung Quốc tăng hơn 1 triệu tấn lên 18,1 triệu tấn, trong khi các lô hàng của Brazil giảm 1,7 triệu tấn xuống còn 6,3 triệu tấn. Tổng lượng hàng xuất khẩu của hai nước là 24,4 triệu tấn, giảm 683.000 tấn so với tuần trước.

Tháng 7, nhập khẩu quặng sắt của Trung Quốc tăng 3,1% lên 91,24 triệu tấn. Giá nhập khẩu trung bình là 126,4 USD/tấn, giảm 8,6 USD/tấn so với tháng trước. Tính chung 7 tháng, nhập khẩu quặng sắt giảm 3,4% so với cùng kỳ xuống 626,8 triệu tấn. Trong khi đó, giá nhập khẩu bình quân là 129 USD/tấn, giảm 49,7 USD/tấn so với cùng kỳ năm 2021.

Tại ngày 11/08, thống kê tồn kho quặng sắt tại 46 cảng chính của Trung Quốc là 138,6 triệu tấn, tăng 2 triệu tấn so với ngày 04/08. Dự báo, tình trạng dự trữ quặng sắt ở cảng sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới, tuy nhiên mức tăng có thể không quá lớn.

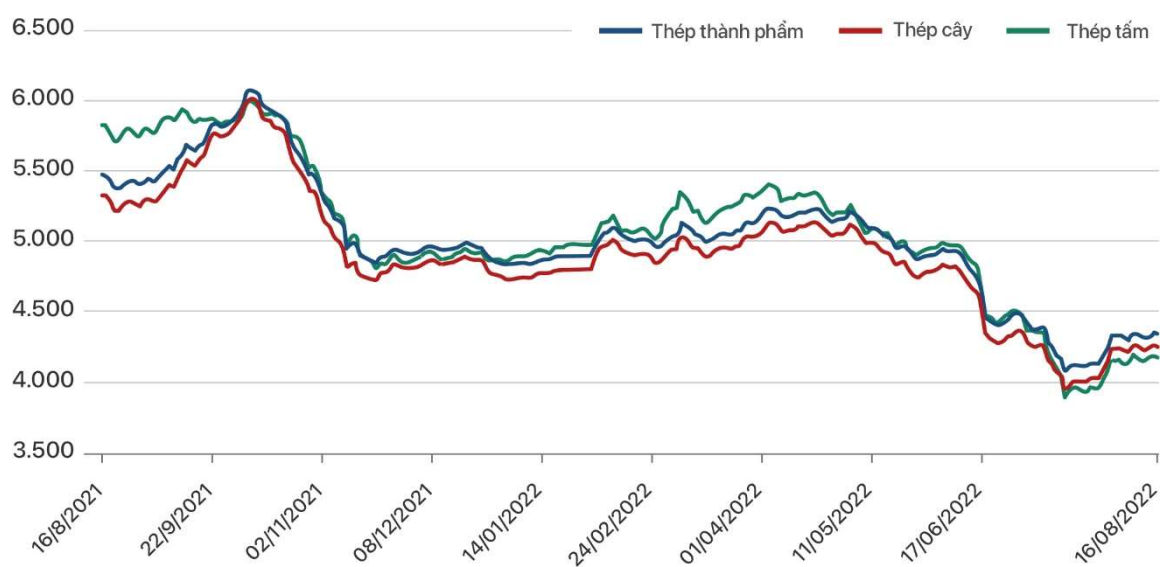


Biểu đồ 6: Diễn biến tồn kho quặng sắt Trung Quốc (Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: SteelHome).

3. Diễn biến giá

Giá quặng sắt đường biển tăng trong tuần kết thúc ngày 14/08. Tuy nhiên, xu hướng chung của thị trường không rõ ràng, hầu hết thương nhân đều thận trọng trong việc thu mua quặng sắt. Dự báo giá nhập khẩu quặng sắt 62% ở mức 105 - 115 USD/tấn trong tháng 8. Tỷ lệ vận hành của lò cao cũng tiếp tục tăng trong tuần giữa tháng 8.

Trong tháng 7, giá thép trong nước nói chung đã giảm đáng kể, và sau giữa tháng 7, giá thép đã tăng trở lại. Giá đóng cửa của hợp đồng thép cây và thép cuộn cán nóng (HRC) trên Sở Giao dịch Thượng Hải lần lượt là 3.996 nhân dân tệ/tấn và 3.969 nhân dân tệ/tấn, giảm lần lượt 382 nhân dân tệ/tấn và 443 nhân dân tệ/tấn so với cuối tháng 6.



Biểu đồ 7: Diễn biến giá thép Trung Quốc (Đơn vị: NDT/tấn. Nguồn: SteelHome).



PHẦN III:

THỊ TRƯỜNG THÉP VIỆT NAM

1. Sản lượng và tiêu thụ thép Việt Nam

Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) cho biết trong tháng 7, sản xuất thép thô đạt 1.609.171 tấn, giảm lần lượt 6,9% so với tháng trước, và giảm 16,1% so với cùng kỳ năm 2021.

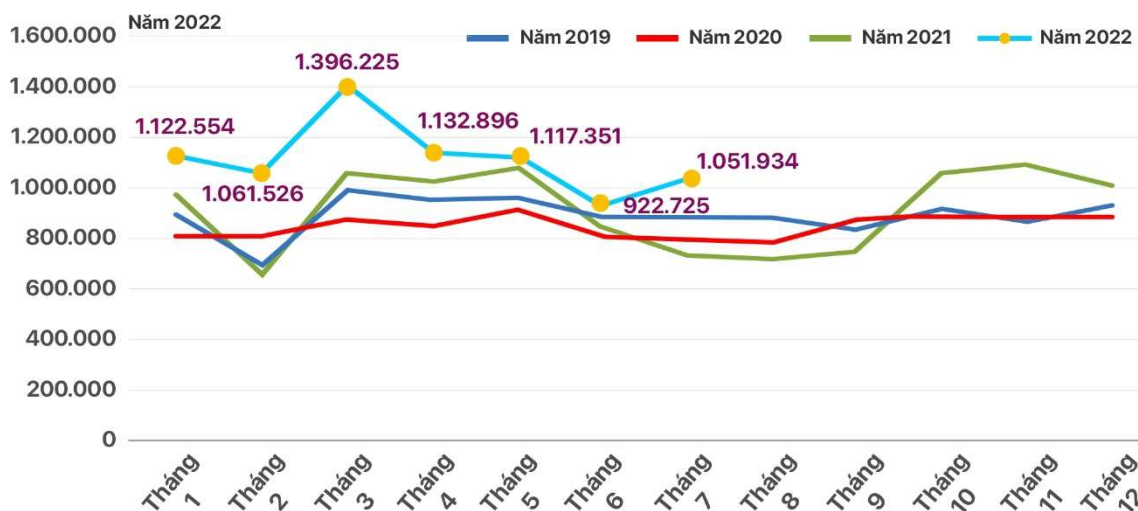
Tiêu thụ thép thô đạt 1.455.808 tấn, giảm 7,7% so với tháng trước, và giảm 11,7% so với tháng 7/2021. Trong đó, xuất khẩu thép thô là 45.000 tấn, giảm 31,4% so với cùng kỳ 2021.

Tính chung 7 tháng đầu năm, sản xuất đạt 12,915 triệu tấn, giảm 6% so với cùng kỳ năm 2021; Tiêu thụ đạt 12,268 triệu tấn, giảm 7% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó xuất khẩu đạt 452 ngàn tấn, giảm 63% so với cùng kỳ 2021.

Đối với thép xây dựng, trong tháng 7, tình hình sản xuất thép xây dựng có sự phục hồi so với tháng trước và cùng kỳ 2021. Cụ thể, sản lượng thép xây dựng sản xuất trong tháng 7/2022 đạt 1.051.934 tấn, tăng lần lượt so với tháng trước là 13,86% và tăng 17,9% so với tháng 7/2021.

Bán hàng đạt 1.003.893 tấn, giảm nhẹ 1,52% so với tháng trước nhưng tăng 6,4% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, xuất khẩu thép xây dựng đạt 209.067 tấn, tăng 20% so với tháng 7/2021.

Lũy kế 7 tháng, sản xuất thép xây dựng đạt 7,76 triệu tấn, tăng 3,5% so với cùng kỳ 2021. Bán hàng đạt 7,56 triệu tấn, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, xuất khẩu đạt 1,546 triệu tấn, tăng 38,4% so với cùng kỳ năm 2021.



Biểu đồ 8: Tình hình sản xuất thép xây dựng tháng 7/2022 (Đơn vị: tấn. Nguồn: VSA).

2. Giá thép trong nước

Giá nguyên vật liệu giảm liên tục từ cuối tháng 4/2022 đến nay khiến thị trường chững lại.

Nhu cầu tiêu thụ thép giảm sút do mùa vụ và giải ngân đầu tư công chậm. Nhà phân phối tìm cách giảm tồn kho, chỉ mua loại và lượng hàng cần thiết đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Các nhà máy tìm thêm thị trường xuất khẩu và đẩy mạnh xuất khẩu (Campuchia, Hong Kong, Canada, Mỹ...). Đa phần các nhà máy đều trong tình trạng khó khăn do hàng tồn kho giá cao.

Mức độ cạnh tranh giữa các nhà máy ngày càng khốc liệt về giá bán và xâm lấn thị phần của nhau. Hiện nay các nhà máy áp dụng một tuần một giá mới và bảo lãnh giá bán trong tuần khiến thị trường bất ổn, các nhà máy càng khó khăn hơn trong tiêu thụ hàng hóa. Mức độ cạnh tranh giữa các nhà máy ngày càng khốc liệt về giá bán và giữ thị phần.

Nhu cầu nội địa yếu, giá thép giảm có thể khiến nhà đầu tư dễ tiếp cận với các công trình đầu tư công đã được phê duyệt hơn, nhưng phụ thuộc vào tiến độ giải ngân các dự án. Kể từ tháng 5/2022 đến nay, giá thép trong nước đã điều chỉnh giảm 12-14 lần, với tổng mức giảm khoảng 3.400- 3.650 đồng/kg tùy thuộc từng doanh nghiệp và từng chủng loại sản phẩm.

Giá bán thép xây dựng trong nước kể từ đầu tháng 8/2022 cũng điều chỉnh giảm hai lần trung bình khoảng 500 đồng/kg thép kể từ cuối tháng 7/2022, hiện ở mức bình quân khoảng 15.850 -

16.500 đồng/kg (Chưa bao gồm VAT) tùy thuộc từng chủng loại sản phẩm và từng doanh nghiệp và vùng miền cụ thể.

a. Nhập khẩu

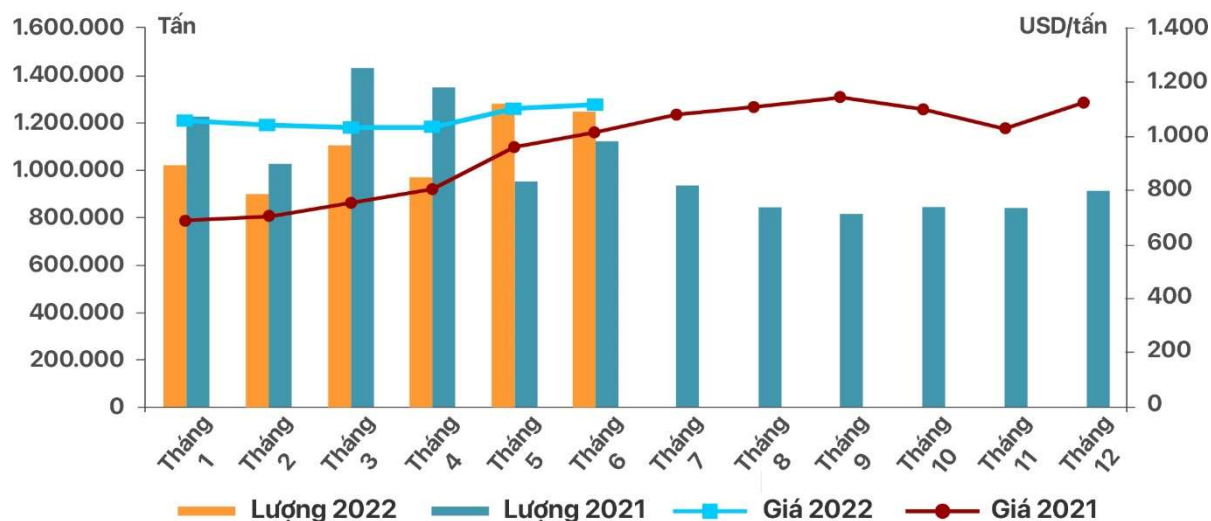
Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu thép thành phẩm vào Việt Nam đạt 1,24 triệu tấn với kim ngạch đạt 1,38 tỷ USD, giảm 2,85% về lượng và giảm 1,44% về trị giá so với tháng trước nhưng tăng 10,43% về lượng và tăng 20,81% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu thép thành phẩm các loại về Việt Nam khoảng 6,49 triệu tấn với trị giá hơn 6,97 tỷ USD, giảm 8,58% về lượng nhưng tăng 20,32% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

Các quốc gia cung cấp thép chính cho Việt Nam bao gồm: Trung Quốc (45,52%), Nhật Bản (15,78%), Hàn Quốc (10,45%), Đài Loan (9,35%) và Ấn Độ (7,27%).

THỊ TRƯỜNG	THÁNG 6/2022		TỶ TRỌNG (%)	
	LƯỢNG (TẤN)	TRỊ GIÁ (NGHÌN USD)	LƯỢNG	TRỊ GIÁ
Tổng	1.243.120	1.348.170	100,000%	100,000%
Trung Quốc	782.550	792.550	62,95%	58,79%
Nhật Bản	153.920	167.020	12,38%	12,39%
Hàn Quốc	116.840	148.530	9,40%	11,02%
Đài Loan (Trung Quốc)	111.260	116.240	8,95%	8,62%
ASEAN	48.290	118.590	3,88%	8,80%
Ấn Độ	24.680	26.330	1,99%	1,95%
EU	2.130	9.180	0,17%	0,68%
Australia	1.480	1.480	0,12%	0,11%
Hoa Kỳ	460	1.320	0,04%	0,10%
Ả Rập Xê Út	130	160	0,01%	0,01%

Bảng 2: Nhập khẩu thép thành phẩm theo quốc gia (Nguồn: VITIC tính toán từ số liệu của TCHQ, VSA).



Biểu đồ 9: Diễn biến lượng và giá thép nhập khẩu của Việt Nam tháng 6/2022

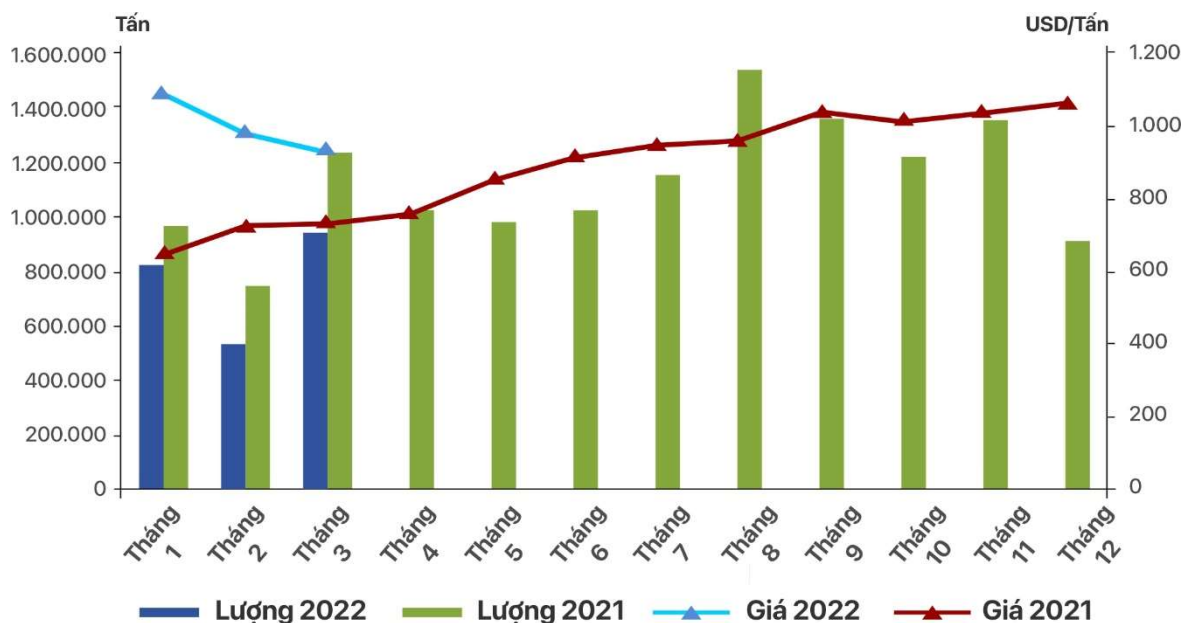
(Nguồn: VITIC tính toán số liệu của TCHQ, VSA).

b. Xuất khẩu

Về xuất khẩu, trong tháng 6, xuất khẩu thép thành phẩm của Việt Nam đạt 860 ngàn tấn, tăng 15,79% so với tháng trước nhưng giảm 15,05% so với cùng kỳ năm 2021. Trị giá xuất khẩu đạt 913 triệu USD, tăng 12,98% so với tháng 5/2022 nhưng giảm 1,08% so với cùng kỳ năm 2021.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, Việt Nam đã xuất khẩu khoảng 4,38 triệu tấn thép giảm 17,49% so với cùng kỳ năm trước. Giá trị xuất khẩu đạt 5 tỷ USD tăng 11,3% so với cùng kỳ năm 2021.

Thị trường xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam là: khu vực ASEAN (45,07%), Khu vực EU (20,51%), Hoa Kỳ (9,09%), Hàn Quốc (7,14%) và Đài Loan (Trung Quốc) (5,16%).



Biểu đồ 10: Diễn biến lượng và giá thép xuất khẩu của Việt Nam tháng 6/2022 (Nguồn: VITIC).

3. Dự báo

Theo Báo cáo cập nhật ngành thép của SSI Research vào đầu tháng 7, kênh xuất khẩu thép của Việt Nam tiếp tục xu hướng chững lại trong những tháng gần đây, đặc biệt trong mảng tôn mạ, với sản lượng hàng tháng thấp hơn khoảng 30% so với mức đỉnh trong quý IV/2021.

Sự sụt giảm về sản lượng như vậy là do nhu cầu giảm ở các thị trường xuất khẩu chủ chốt (đặc biệt là Mỹ và EU), những thị trường mà trong điều kiện thuận lợi từng chiếm 60-70% sản lượng xuất khẩu tôn mạ của Việt Nam.

SSI research nhận định rằng xuất khẩu trong nửa cuối năm cũng có thể bị ảnh hưởng tiêu cực từ các biện pháp bảo hộ mà EU áp đặt. EU gần đây đã bổ sung Việt Nam vào nhóm “các nước khác” với hạn ngạch nhập khẩu dành cho nhóm này là 2,1 triệu tấn thép mạ kẽm nhúng nóng (HDG) từ 1/7/2021 đến ngày 30/6/2022, và tăng 4%/năm trong 2 năm tới.

Theo EU, sản lượng xuất khẩu HDG của Việt Nam sang Châu Âu ước đạt 979.000 tấn vào năm 2021. Với điều chỉnh này, xuất khẩu từ Việt Nam sang EU có thể sẽ giảm trong thời gian tới.

Tuy nhiên, đóng góp từ thị trường EU đối với xuất khẩu thép Việt Nam cũng đã giảm so với giai đoạn trước do giá thép EU giảm đáng kể trong những tháng gần đây.

Theo báo cáo mới đây, VSA dự báo các doanh nghiệp thép trong nước sẽ tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức và những yếu tố bất ổn trong 6 tháng cuối năm 2022.



PHẦN IV:

CHÍNH SÁCH

1. Chính sách của Việt Nam

Một tháng dính hai vụ kiện, ngành thép trước làn sóng phòng vệ thương mại

Theo thống kê của Hiệp hội thép Việt Nam (VSA), kể từ năm 2004 đến tháng 7/2022, ngành thép Việt Nam phải đối mặt với 68 vụ việc phòng vệ thương mại.

Riêng trong tháng 7, các doanh nghiệp thép Việt đã nhận hai vụ kháng kiện với các sản phẩm thép. Theo đó, ngày 29/7, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) khởi xướng điều tra lẫn tránh thuế phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm ống thép, chủ yếu thuộc mã HS 7306.61 và 7306.30 nhập khẩu từ Việt Nam.

Nguyên đơn cáo buộc Việt Nam nhập khẩu thép cán nóng (HRS) từ Trung Quốc, Đài Loan - Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ sau đó gia công, chế biến đơn giản thành ống thép và xuất sang Mỹ nhằm lẫn tránh thuế phòng vệ thương mại.

Trước đó, ngày 28/7, Bộ Kinh tế Mexico thông báo chính thức khởi xướng điều tra chống bán phá giá (CBPG) với thép cán nguội nhập khẩu từ Việt Nam trên cơ sở đơn kiện của ngành sản xuất trong nước.

Trao đổi với *VietnamBiz*, ông Nghiêm Xuân Đa, Chủ tịch VSA cho biết: “Tình trạng dư thừa công suất của ngành thép tiếp tục gia tăng, xảy ra ở trong nước và thế giới, nhất là khu vực Đông Nam Á, nơi cạnh tranh trực tiếp với Việt Nam.

Do vậy, xu hướng bảo hộ trong thương mại quốc tế ngày càng mở rộng và khắt khe hơn, ngành thép đã và sẽ tiếp tục phải đối mặt ngày càng nhiều với các vụ kiện việc phòng vệ thương mại từ các quốc gia trên thế giới và từ nội khối ASEAN”.

Thực tế cho thấy số lượng vụ kiện phòng vệ thương mại của ngành thép tỷ lệ thuận với đà phát triển của ngành thép, hay nói cách khác là ngành thép càng tăng trưởng nóng, càng dễ dính phòng vệ thương mại.

Đại diện VSA cho biết 20 năm qua, ngành thép Việt Nam đã phát triển vượt bậc cả về quy mô sản xuất cũng như chủng loại sản phẩm, tốc độ tăng trưởng ngành thép Việt Nam những năm gần đây đều ở mức hai con số.

Cụ thể, năng lực sản xuất thép thô (phôi thép) của doanh nghiệp trong nước vào năm 2021 là 23 triệu tấn, cao gấp 4,6 lần sản lượng năm 2011 và gấp hơn 70 lần năm 2001.

Năm 2021, xuất khẩu thép thành phẩm và bán thành phẩm đạt 14 triệu tấn thép, chiếm khoảng 50% tổng lượng thép thành phẩm xuất khẩu của các quốc gia Đông Nam Á.

Thép Việt Nam không chỉ có mặt ở thị trường truyền thống là các nước Đông Nam Á, mà còn mở rộng ra các thị trường lớn, đòi hỏi khắt khe về tiêu chuẩn chất lượng, xuất xứ và môi trường như các nước Mỹ, EU...

Lượng xuất khẩu thép của liên tục đi lên, kèm theo lợi thế nhân công giá rẻ, giá thành cạnh tranh đang đe dọa lợi nhuận của doanh nghiệp nước sở tại, nguy cơ ngành thép bị kiện cao hơn.

Còn về khó khăn từ phía nội tại ngành, chủ tịch VSA cho rằng các công nghệ sản xuất và quản lý doanh nghiệp của một số công ty còn lạc hậu, hệ thống sổ sách kế toán chưa theo kịp tiêu chuẩn quốc tế, doanh nghiệp thiếu kiến thức về phòng vệ thương mại... Những điều này khiến doanh nghiệp gặp bất lợi khi đối mặt với những vụ kiện thương mại, vốn tốn nhiều thời gian và chi phí.

Còn ở góc độ của cơ quan quản lý, Cục Phòng vệ Thương mại (Bộ Công Thương) cho biết thép vẫn là sản phẩm thuộc đối tượng điều tra nhiều nhất, chiếm hơn 40% các vụ việc kiện phòng vệ thương mại.

“Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tăng nhanh thì việc Việt Nam đối mặt với nhiều vụ kiện PVTM, trong đó có mặt hàng thép là điều tất yếu, không thể tránh khỏi”, Cục Phòng vệ Thương mại cho biết.

Ngoài các yếu tố VSA nêu trên, Cục Phòng vệ Thương mại cho rằng việc Việt Nam ký kết một loạt các FTA song phương, đa phương, thế hệ mới và mở cửa thị trường, nhiều mặt hàng trong đó có sắt thép sẽ có mức thuế về 0% dẫn tới các nước tìm các biện pháp khác (ngoài thuế nhập khẩu) nhằm hỗ trợ ngành sản xuất nội địa.

Bên cạnh đó, thời gian gần đây xu hướng kiện chùm, kiện domino đang khá thịnh hành. Cụ thể, các nước thường có xu hướng kiện nhiều nước (các nước có thị phần xuất khẩu lớn vào nước điều tra, hoặc các nước nghi ngờ có sự chuyển tải hàng hóa nhằm lẩn tránh thuế, hoặc các nước đặt trụ sở công ty mẹ-con).

Việt Nam thường xuyên bị kiện chung với một số nước khác như Trung Quốc, Ấn Độ... là các nước xuất khẩu thép lớn trên thế giới.

Do đó, khi có sự nghi ngờ, cáo buộc với một trong số các nước nêu trên, cơ quan điều tra nước nhập khẩu thường có xu hướng kiện cả Việt Nam. Ngoài ra, việc Việt Nam đã bị một nước điều tra có thể dẫn tới hiệu ứng Domino, tức là các nước khác cũng tiếp tục kiện Việt Nam với cùng sản phẩm.

Cuộc chiến dài hơi

Thực tế, những vụ kiện phòng vệ thương mại thường kéo dài nhiều năm và có thể gia hạn nhiều lần. Do đó, doanh nghiệp ngành thép cần xác định đây là cuộc chiến dài hơi và tốn kém.

Để hạn chế thấp nhất khả năng bị khởi kiện phòng vệ thương mại, Cục Phòng vệ Thương mại khuyến cáo doanh nghiệp xuất khẩu thép theo sát thông tin thị trường xuất khẩu, thường xuyên trao đổi với đối tác nhập khẩu, kể cả là cả những thông tin về rào cản thương mại có nguy cơ áp dụng lên hàng hóa nhập khẩu.

Điều này giúp doanh nghiệp nắm bắt thông tin sớm về khả năng bị kiện, vận động sớm để cơ quan điều tra không khởi xướng vụ việc hoặc đề nghị nhà nhập khẩu bình luận, bày tỏ ý kiến được cơ quan điều tra xem xét...

Hiện, Bộ Công Thương đã có hệ thống cảnh báo sớm để theo dõi thông tin, cập nhật số liệu nhằm đưa ra cảnh báo kịp thời cho doanh nghiệp xuất khẩu có giải pháp phòng ngừa vụ việc.

Mặt khác, doanh nghiệp cũng cần đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, đa dạng hóa sản phẩm xuất khẩu, tránh xuất khẩu quá tập trung vào một thị trường để giảm thiểu rủi ro bị điều tra, áp thuế, đặc biệt khi bị áp thuế cao doanh nghiệp sẽ có thể mất thị trường xuất khẩu.

Trong trường hợp có vụ kiện PVTM xảy ra, điều quan trọng nhất là doanh nghiệp xuất khẩu cần chủ động tham gia, xử lý, hợp tác toàn diện với cơ quan điều tra để tránh bị áp dụng những thông tin bất lợi.

Hơn nữa, doanh nghiệp cũng cần phối hợp chặt chẽ với Chính phủ, Bộ Công Thương để được hỗ trợ sớm nhất. Nhờ việc tuân thủ, hợp tác với cơ quan quản lý nước nhập khẩu và sự hỗ trợ của Chính phủ, nhiều doanh nghiệp đã không bị áp thuế hoặc áp thuế thấp, giảm thiểu tác động tiêu cực tới xuất khẩu ngành hàng.

2. Chính sách của thế giới



EU: Ngành thép châu Âu có sụp đổ nếu thiếu khí đốt Nga? Cuộc khủng hoảng khí đốt tại châu Âu ngày càng trở nên trầm trọng khi nguồn cung từ Nga liên tục bị siết lại.

Trong động thái mới nhất, Nga đã giảm lượng cung cấp khí đốt qua đường ống Nord Stream 1 cho Đức – nền kinh tế lớn nhất châu Âu – xuống chỉ còn 20% công suất.

Theo các nhà phân tích, nếu Nga dừng hoàn toàn cung cấp khí đốt cho châu Âu, một loạt ngành công nghiệp quan trọng của khu vực này, bao gồm thép, hóa dầu... có thể rơi vào cuộc khủng hoảng chưa từng thấy.

Trong đó, thép là một ngành công nghiệp quan trọng với nền kinh tế khu vực này. Liên minh châu Âu (EU) là nhà sản xuất thép lớn thứ hai thế giới, chỉ sau Trung Quốc.

Cơ địa chấn đối với ngành thép châu Âu

Mỗi năm, EU sản xuất bình quân 170 triệu tấn thép thô. Ngành thép EU có doanh thu hàng năm là 166 tỷ Euro (tương đương gần 170 tỷ USD), chiếm 1,3% GDP của khối, mang lại hơn 300.000 việc làm trực tiếp và hàng trăm nghìn việc làm gián tiếp.

Theo Financial Times, từ lâu, một nền tảng quan trọng cho sự vận hành của ngành thép châu Âu là khí đốt giá rẻ từ Nga. Tuy nhiên, giá khí đốt cao đã khiến giá thép và chi phí sản xuất mặt hàng tại khu vực này tăng vọt. Nhiều doanh nghiệp đã phải thu hẹp quy mô sản xuất, sa thải nhân sự để ứng phó với khủng hoảng.

Kể từ sau khi chiến tranh ở Ukraine nổ ra hồi cuối tháng 2 dẫn tới một loạt biện pháp trừng phạt của Mỹ và châu Âu nhằm vào Nga, nhiều nhà sản xuất thép ở châu Âu đã bày tỏ quan ngại về sự gián đoạn nguồn cung khí đốt từ Nga.

Theo các nhà phân tích tại ngân hàng Thụy Sĩ UBS, việc mất nguồn cung khí đốt tự nhiên từ Nga có thể gây ra một cuộc suy thoái trầm trọng ở châu Âu và khiến GDP của khu vực đồng tiền chung Euro (Eurozone) giảm ít nhất 6% trong năm 2022.

Khí đốt là nguyên liệu đầu vào quan trọng với các nhà sản xuất thép ở châu Âu. Hiệp hội Thép Châu Âu (EUROFER) cảnh báo rằng việc nguồn cung khí đốt bị gián đoạn có thể gây những hậu quả nghiêm trọng cho ngành công nghiệp thép của EU nếu như không có nguồn cung ứng thay thế.

“Ngành sản xuất thép của châu Âu sẽ không thể vận hành nếu không có khí đốt Nga”, ông Hans Jürgen Kerkhoff, Chủ tịch Hiệp hội Thép Đức, cho biết vào cuối tháng 3. “Việc mất nguồn cung khí đốt Nga sẽ không chỉ gây ra gián đoạn sản xuất của ngành thép mà còn gây ra địa chấn với các hoạt động sản xuất công nghiệp nói chung ở Đức và EU. Những hậu quả đối với Đức – một trung tâm công nghiệp của châu Âu – có tạo ra những gánh nặng trong dài hạn”.

Hiện Nga đã ngừng cung cấp khí đốt cho Pháp, Ba Lan, Bulgaria, Phần Lan, Đan Mạch và Hà Lan. Nước này gần đây giảm cung cấp khí đốt cho Đức và Italy với lý do kỹ thuật và các biện pháp trừng phạt.

Nguy cơ gây hiệu ứng dây chuyền

Nền kinh tế Đức phụ thuộc lớn vào khí đốt của Nga và nước này cũng là một trung tâm trung chuyển khí đốt sang Áo, Cộng hòa Séc và Ukraine. Ngành công nghiệp của Đức cũng sản xuất vật liệu thô và phụ kiện, từ thép, kính cho tới hóa chất – những vật liệu quan trọng với các nhà sản xuất trên khắp châu Âu.

Đức sản xuất khoảng 40 triệu tấn thép thô mỗi năm và là nhà sản xuất thép lớn nhất EU, lớn thứ 8 trên thế giới.

Theo các nhà phân tích, việc mất đi nguồn khí đốt từ Nga sẽ là một thảm họa với các ngành công nghiệp tiêu thụ nhiều khí đốt của Đức, trong đó có ngành thép. Nhiều công ty sẽ phải ngừng sản xuất và hàng trăm nghìn người sẽ mất việc, gây ra hiệu ứng dây chuyền tới các ngành công nghiệp khác.

Sau một loạt động thái giảm cung cấp khí đốt của Nga gần đây, Đức đã nâng cảnh báo về tình trạng thiếu hụt khí đốt lên mức 2 trên thang cảnh báo 3 bậc, tiến gần hơn tới quyết định phân phối khí đốt theo định mức. Berlin lo ngại rằng cuộc khủng hoảng khí đốt trong mùa đông tới có thể làm tê liệt ngành công nghiệp mùa đông và khiến hàng triệu người dân nước này rét cóng trong nhà.

Nếu Chính phủ Đức buộc phải phân phối khí đốt theo định mức, các hộ gia đình và những tổ chức thiết yếu như bệnh viện sẽ được ưu tiên cung ứng khí đốt. Điều này có thể khiến ngành công nghiệp thép nói riêng và các ngành sản xuất ở Đức đối mặt nguy cơ thiếu hụt khí đốt trầm trọng hơn.

Trong bối cảnh đó, một số công ty đang tìm cách thay thế khí đốt bằng nguồn năng lượng khác. Tuy nhiên, với những doanh nghiệp có cơ sở hạ tầng chỉ dùng được khí đốt, hoặc những doanh nghiệp dùng khí đốt như nguyên liệu thô, không có lựa chọn thay thế.

Nhà sản xuất thép lớn nhất của Đức, ThyssenKrupp, cho biết không thể chuyển đổi quy trình sản xuất từ khí đốt tự nhiên sang dầu thô hoặc than đá. Hãng này gần đây cảnh báo rằng việc thiếu khí đốt có thể khiến công ty phải dừng hoạt động các lò luyện sắt và chịu thiệt hại lớn về kỹ thuật.

Nguy cơ mất đi nguồn cung khí đốt không phải là mối lo duy nhất của các doanh nghiệp tại châu Âu. Giá khí đốt tự nhiên tại châu Âu đã tăng gấp 8 lần trong 18 tháng qua, từ khoảng 20 Euro/megawatt giờ lên trên 160 Euro/ megawatt giờ. Chỉ trong một tháng qua, giá đã tăng gấp đôi, khiến nhiều doanh nghiệp sản xuất tại khu vực này cảnh báo rằng nhiều khả năng họ sẽ không thể tiếp tục hoạt động với mức giá đó.

“Một mối nguy giờ đây là chúng ta không thể sản xuất mặt hàng nào đó ở Đức nữa không chỉ vì không có khí đốt mà còn vì chi phí năng lượng quá cao khiến cho mặt hàng đó mất đi tính cạnh tranh”, ông Jörg Rothermel của Hiệp hội Hóa chất Đức (VCI) cho biết.

Trước áp lực giá khí đốt, nhiều nhà sản xuất thép ở châu Âu đã phải cắt giảm sản xuất. Hồi tháng 3, hãng thép Tây Ban Nha Acerinox phải dừng hoạt động tại một số nhà máy và triển khai chương trình cắt giảm nhân sự đối với 1.800 nhân viên.

Theo *Wall Street Journal*, một số nhà sản xuất thép ở châu Âu có nguy cơ phải dừng hoạt động vì khó cạnh tranh với các nhà sản xuất ở Mỹ, Trung Đông và các khu vực khác – nơi có giá năng lượng thấp hơn nhiều so với châu Âu. Tình càng thêm bi đát khi châu Âu đang chứng kiến lạm phát cao kỷ lục nhiều năm, làm giảm sức mua của người tiêu dùng.

PHẦN V:

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH

Cuối quý II, các doanh nghiệp ngành thép cho thấy lợi nhuận toàn ngành ghi nhận sụt giảm. Giá bán thép thành phẩm liên tục đi xuống khiến cho doanh thu bị ảnh hưởng trong khi giá vốn hàng bán và chi phí thép tồn kho từ các tháng trước vẫn còn cao, dẫn tới lợi nhuận gộp của nhiều doanh nghiệp thép sa sút.

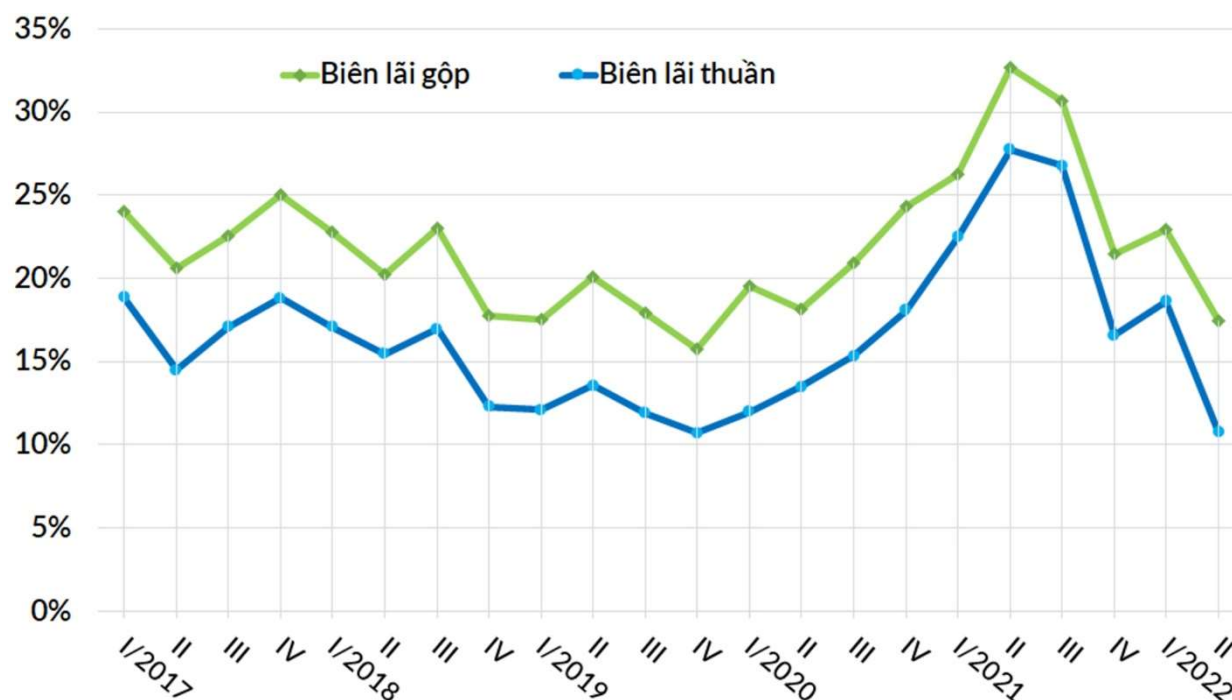


Tập đoàn Hòa Phát (Mã: HPG)

Quý II vừa qua, Hòa Phát ghi nhận doanh thu thuần tăng 6% so với cùng kỳ 2021 lên mức 37.422 tỷ đồng; lãi sau thuế đạt 4.023 tỷ đồng, giảm 59%.

Chi phí vận tải lên cao, chủ yếu do các lệnh trừng phạt mà châu Âu và Mỹ áp đặt lên Nga đã gây gián đoạn chuỗi cung ứng và tăng giá xăng dầu. Giá nguyên liệu chính trong quá trình sản xuất thép, cụ thể là than cốc, cũng đi lên đáng kể.

Giá vốn hàng bán quý II tăng 31% so với cùng kỳ. Trong khi đó, doanh thu chỉ nhích lên 6%. Kết quả là lợi nhuận gộp giảm, biên lãi gộp chỉ còn 17,5% trong khi cùng kỳ năm ngoái lên tới gần 33%.



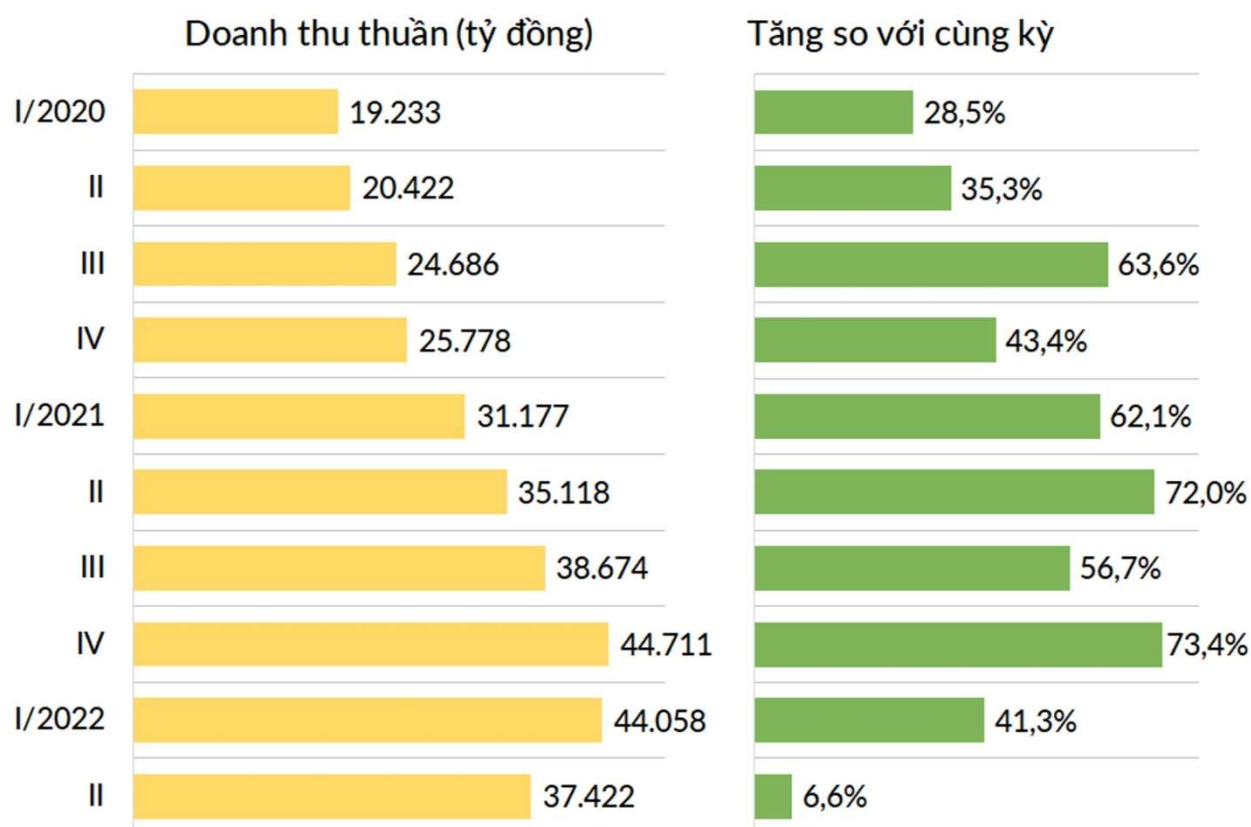
Biểu đồ 11: Biên lợi nhuận hợp nhất hàng quý của Tập đoàn Hòa Phát

(Nguồn: Đức Quyền tổng hợp từ báo cáo tài chính).

Hòa Phát cho biết nhu cầu thép thế giới quý II suy yếu vì Trung Quốc duy trì chính sách phong tỏa Zero COVID hà khắc. Cầu thép trong nước giảm theo xu hướng chung, nhất là với thép cuộn cán nóng (HRC).

Giá bán thép đi xuống khiến Hòa Phát phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 575 tỷ đồng, dẫn tới tăng gánh nặng chi phí và kéo tụt lợi nhuận.

Biên lãi thuần trong quý vừa qua là 10,7%, chưa đầy một nửa mức 27,7% của quý II/2021.



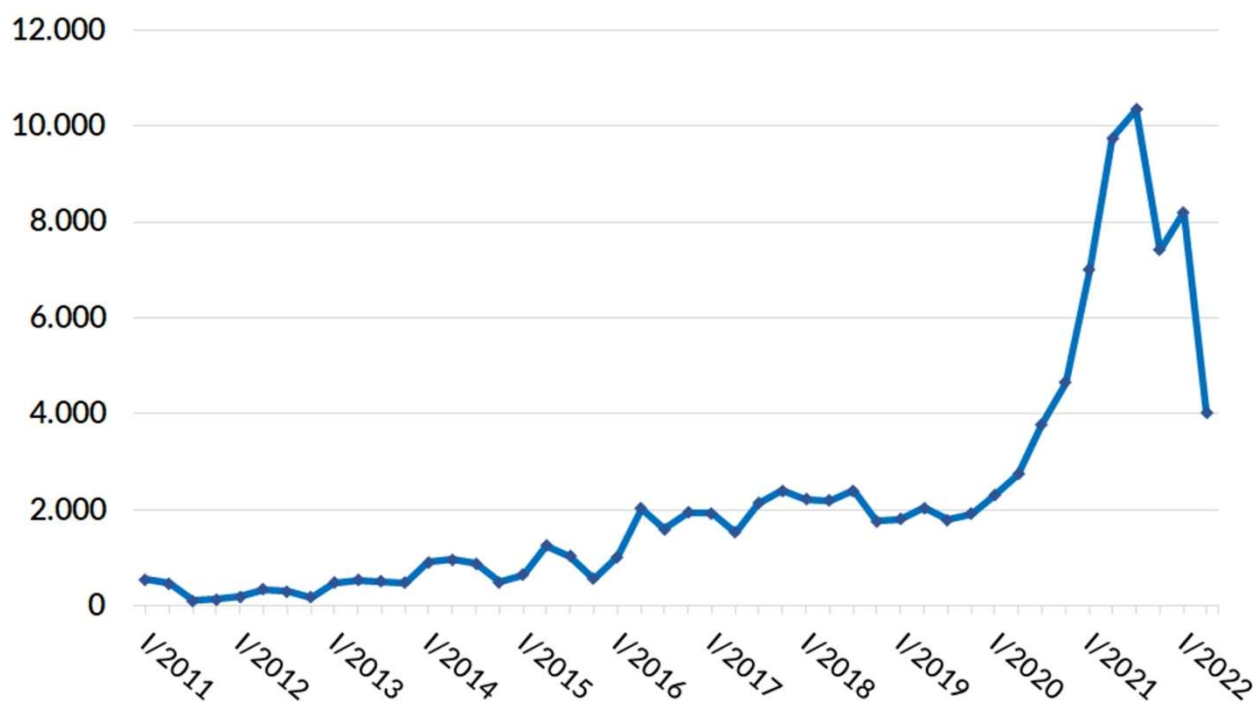
Biểu đồ 12: Tốc độ tăng trưởng doanh thu của Hòa Phát chậm lại
(Nguồn: Đức Quyền tổng hợp từ báo cáo tài chính).

Con số lợi nhuận trong quý II vừa qua là mức thấp nhất của Hòa Phát kể từ quý III/2020. Chứng khoán SSI cho rằng lợi nhuận của Hòa Phát cũng như giá thép có thể vẫn chưa chạm đáy.

Theo SSI, nhu cầu thép trong nước nửa cuối năm sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi áp lực lạm phát và việc Chính phủ siết chặt quản lý thị trường bất động sản.

Sản lượng tiêu thụ thép cuộn cán nóng (HRC) cũng sẽ gặp thách thức do các nhà sản xuất tôn mạ đang giảm số dư hàng tồn kho trong bối cảnh giá đi xuống và nhu cầu chậm lại ở cả kênh nội địa và xuất khẩu.

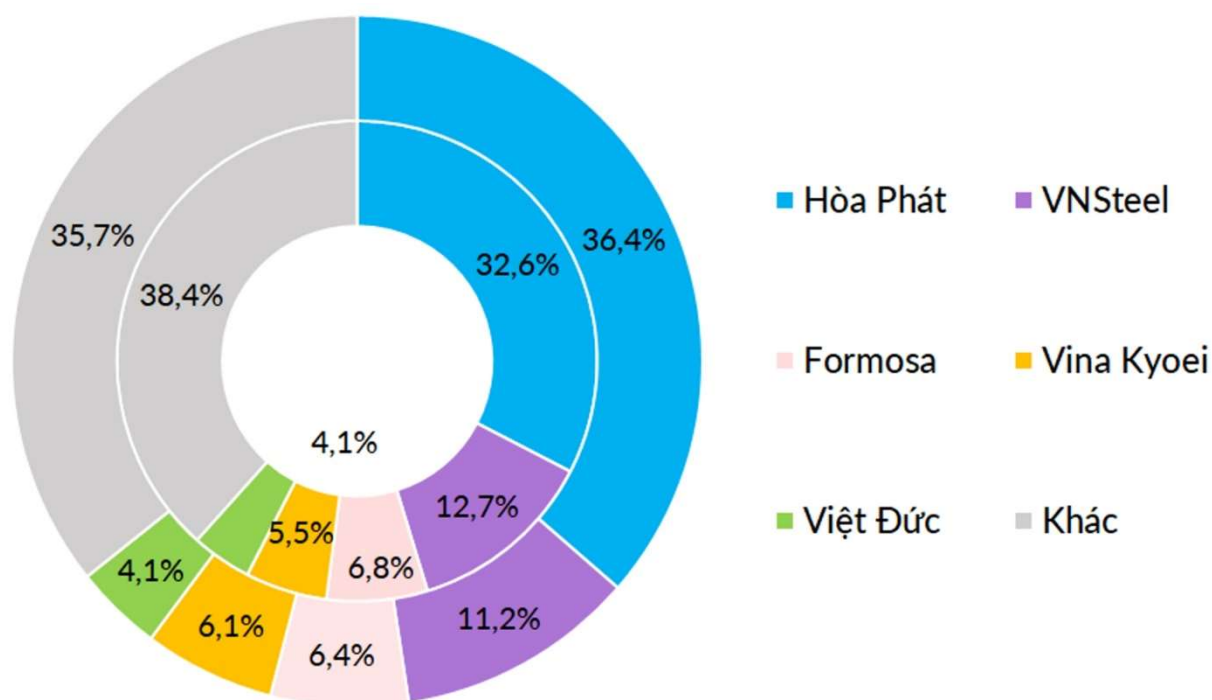
Từ giữa tháng 5 đến nay, giá thép xây dựng đã giảm 14 lần liên tiếp. SSI cho rằng giá mặt hàng này có thể tiếp tục chịu áp lực trong quý III do yếu tố mùa vụ, cùng với việc giá nguyên liệu đầu vào giảm.



Biểu đồ 13: Lãi sau thuế hợp nhất hàng quý của Hòa Phát (Đơn vị: tỷ đồng.
 Nguồn: Song Ngọc tổng hợp từ báo cáo tài chính doanh nghiệp).

Theo thống kê của Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), Hòa Phát đã tiêu thụ hơn 2,75 triệu tấn thép xây dựng trong 7 tháng đầu năm 2022, dẫn đầu toàn ngành với thị phần 36,4%.

Ở mảng ống thép, Hòa Phát cũng đang giữ vị trí số 1 với thị phần 29,1% trong 7 tháng.



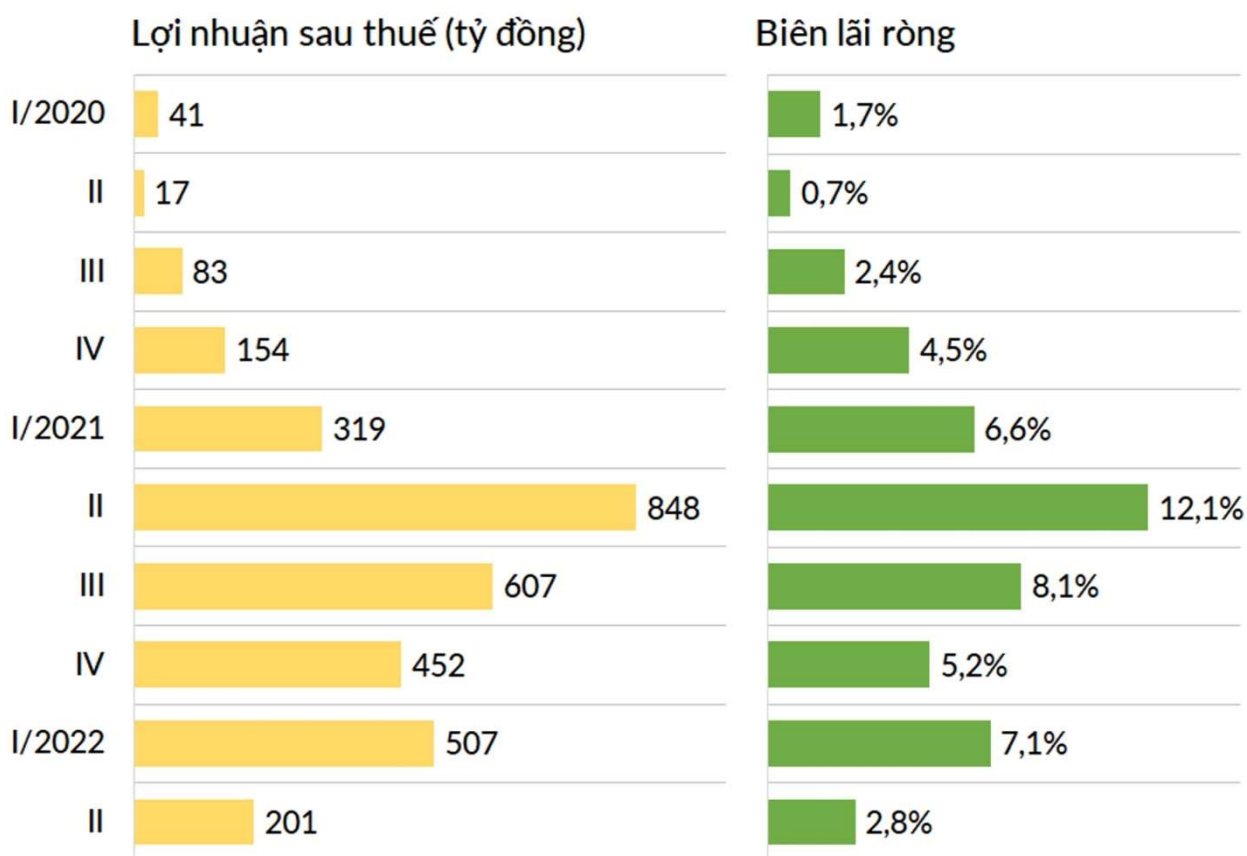
Biểu đồ 14: Thị phần tiêu thụ thép xây dựng năm 2021 (Vòng trong) và 7 tháng đầu năm 2022 (Vòng ngoài) (Nguồn: Đức Quyền tổng hợp từ Hiệp hội Thép Việt Nam VSA).



CTCP Thép Nam Kim (Mã: NKG)

Tương tự Hòa Phát, Thép Nam Kim cũng ghi nhận doanh thu thuần quý II tăng nhẹ gần 3% lên 7.196 tỷ đồng. Do giá vốn hàng bán và các loại chi phí bán hàng, tài chính tăng mạnh hơn nên cả lãi gộp và lãi sau thuế đều sa sút, mất lần lượt 31,5% và 76,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

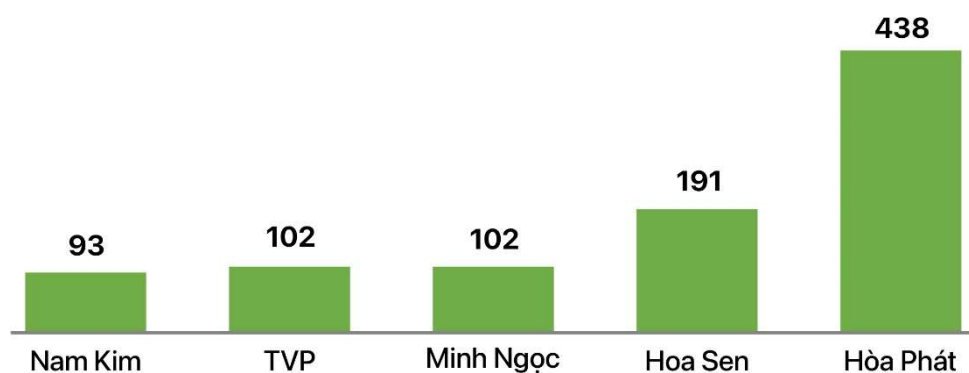
Lũy kế nửa đầu năm, lợi nhuận sau thuế của Nam Kim giảm 39% còn 708 tỷ đồng.



Biểu đồ 15: Kết quả kinh doanh hợp nhất của Thép Nam Kim (Nguồn: Đức Quyền tổng hợp từ báo cáo tài chính).

Theo số liệu của VSA, Thép Nam Kim tiêu thụ hơn 481.000 tấn tôn mạ và 93.000 tấn ống thép trong 7 tháng đầu năm nay, lần lượt giảm 3,5% và 9,2% so với cùng kỳ 2021.

Nam Kim đứng thứ 2 toàn ngành về thị phần tôn mạ và thứ 5 trong mảng ống thép.



Biểu đồ 16: Top 5 tiêu thụ tôn mạ trong 7 tháng đầu năm 2022 (Đơn vị: nghìn tấn. Nguồn: Đức Quyền tổng hợp từ VSA).



Tập đoàn Hoa Sen (Mã: HSG)

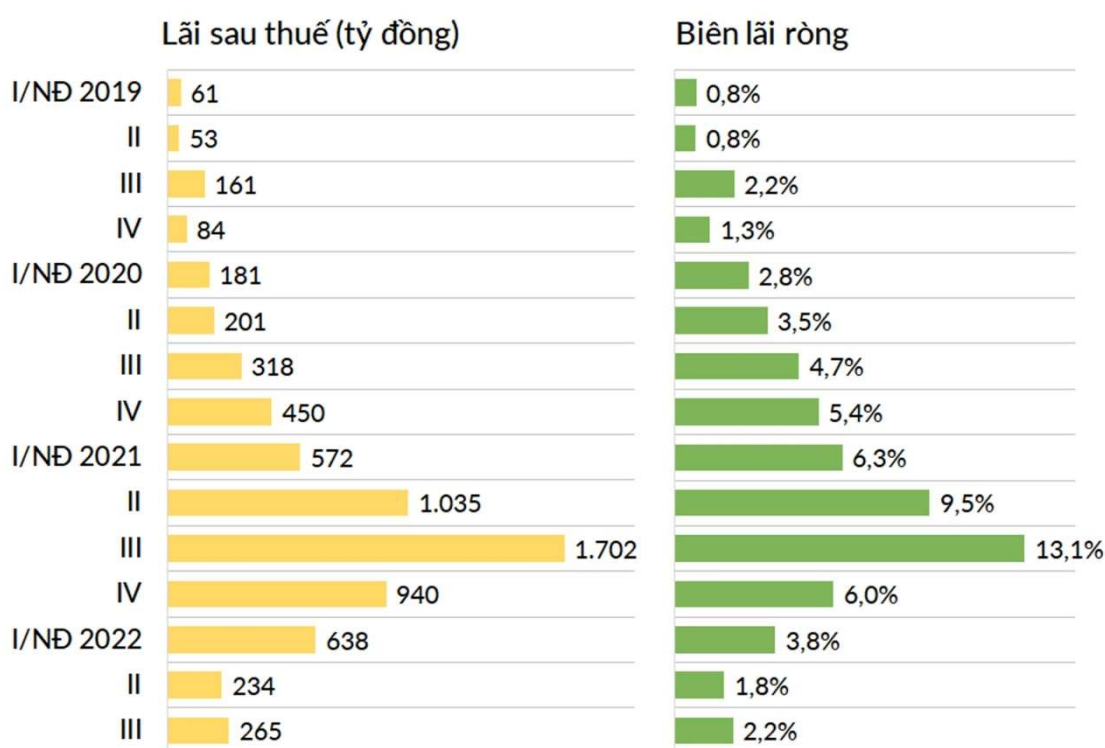
Hoa Sen công bố báo cáo tài chính quý III niên độ 2021-2022 (tức quý II theo năm dương lịch, từ 1/4 đến 30/6/2022) cho thấy cả doanh thu thuần, lãi gộp và lãi sau thuế đều sa sút so với cùng kỳ năm ngoái.

Cụ thể, doanh thu thuần giảm 6% còn 12.177 tỷ đồng. Ngược lại, giá vốn hàng bán tăng 6% lên 10.582 tỷ đồng. Do đó, lợi nhuận gộp của tập đoàn giảm 46%, tương đương giảm 1.359 tỷ, còn 1.595 tỷ đồng.

Doanh thu tài chính cũng tụt dốc 71% còn 44 tỷ đồng do không còn khoản lãi lớn từ hoạt động đầu tư như cùng kỳ năm ngoái. Chi phí tài chính tăng thêm gần 68 tỷ, chủ yếu do lỗ chênh lệch tỷ giá. Các khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp cũng cao hơn trước.

Kết quả là lợi nhuận sau thuế của Hoa Sen quý vừa qua giảm 84% so với cùng kỳ 2021, còn 265 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp và biên lãi thuần đạt lần lượt 13,1% và 2,2%.

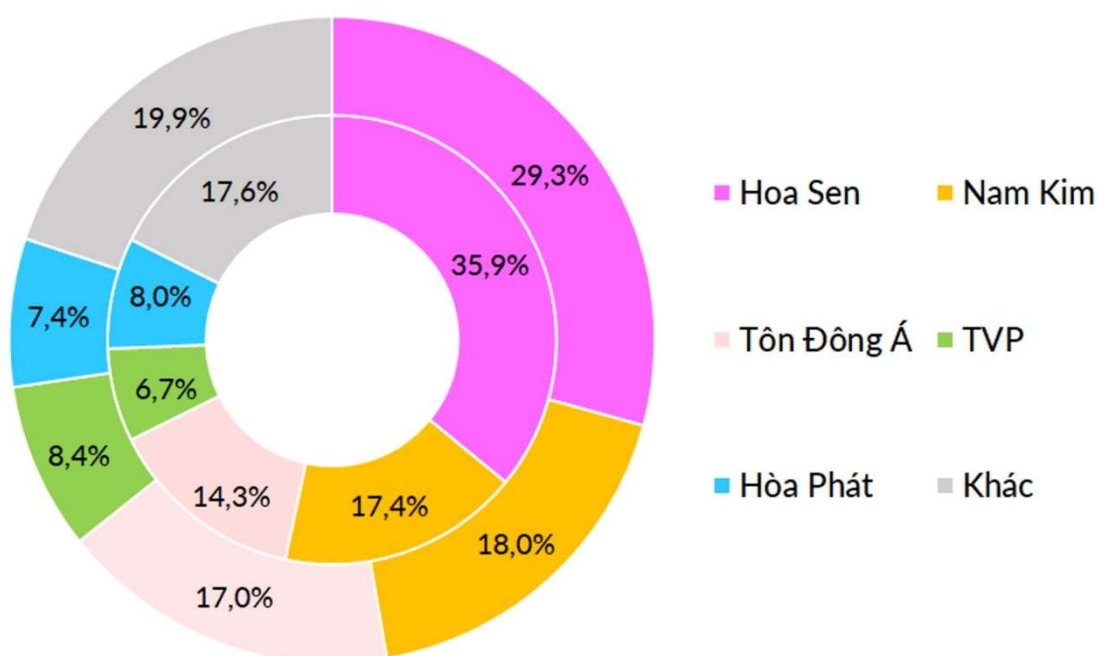
Biểu đồ bên dưới cho thấy biên lợi nhuận thuần của Hoa Sen kỳ này nhỉnh hơn quý trước nhưng kém xa cùng kỳ năm ngoái.



Biểu đồ 17: Kết quả kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn Hoa Sen (Đơn vị: nghìn tấn).
 Nguồn: Đức Quyền tổng hợp từ báo cáo tài chính).

Theo số liệu từ VSA, Hoa Sen vẫn đang dẫn đầu ngành tôn mạ với sản lượng tiêu thụ 7 tháng đầu năm nay đạt 782.000 tấn, tương ứng với thị phần 29,3%.

Tuy nhiên khi so với năm 2021, thị phần của Hoa Sen đã giảm đi đáng kể. Nam Kim và Tôn Đông Á đang dần rút ngắn khoảng cách.



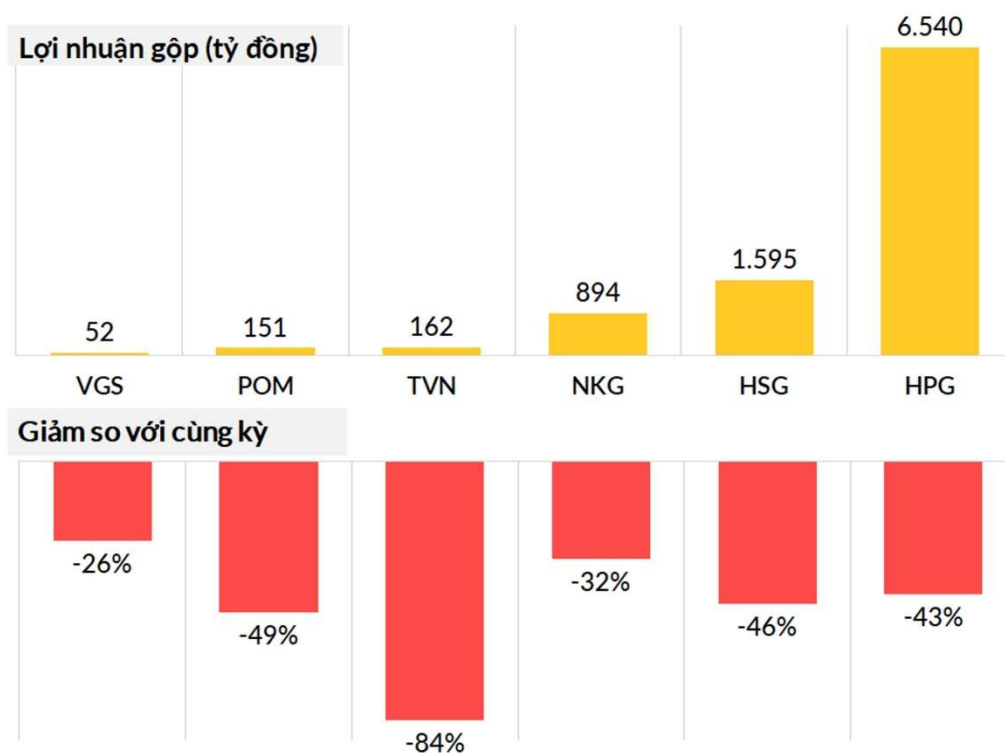
Biểu đồ 18: Thị phần tiêu thụ tôn mạ năm 2021 (vòng trong) và 7 tháng đầu năm 2022 (vòng ngoài) (Nguồn: Đức Quyền tổng hợp từ Hiệp hội Thép Việt Nam).

Lợi nhuận toàn ngành sụt kém

Vào nửa sau của quý II, giá bán thép thành phẩm liên tục đi xuống khiến cho doanh thu bị ảnh hưởng. Trong khi đó, giá vốn hàng bán và chi phí thép tồn kho từ các tháng trước vẫn còn cao, dẫn tới lợi nhuận gộp của nhiều doanh nghiệp thép sa sút.



Tổng Công ty Thép Việt Nam (VNSteel – Mã: TVN): ghi nhận lãi gộp quý II giảm tới 84% so với cùng kỳ 2021. Nhiều tập đoàn khác cũng báo cáo mức sụt giảm hai chữ số.



Biểu đồ 19: Lợi nhuận gộp quý II/2022 của nhiều doanh nghiệp thép sa sút
(Nguồn: Đức Quyền tổng hợp từ báo cáo tài chính).

Trong khi lãi gộp giảm, chi phí tài chính – cụ thể là lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá - lại tăng mạnh.

Từ tháng 3 đến tháng 6 năm nay, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã nâng lãi suất ba lần với tổng mức tăng là 1,5 điểm %. Lãi suất tại Mỹ tăng lên khiến cho nhà đầu tư dồn tiền vào USD, làm USD mạnh hơn trước. Những doanh nghiệp đi vay bằng USD sẽ phải chịu gánh nặng nợ lớn hơn.

Thép Pomina (Mã: POM) cho biết lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện trong quý II năm nay là 66,4 tỷ đồng, gấp hơn 4 lần cùng kỳ năm trước.

Với Hòa Phát, lỗ chênh lệch tỷ giá (chưa thực hiện và đã thực hiện) kỳ này là 1.270 tỷ đồng, gấp 6,4 lần con số của quý II/2021.

Tương tự tại Hoa Sen, lỗ chênh lệch tỷ giá cũng tăng gần 123% lên 159 tỷ đồng. VNSteel và Thép Việt Đức (VG Pipe – Mã: VGS) đều ghi nhận lỗ từ biến động tỷ giá cao gấp nhiều lần cùng kỳ 2021.

Tại ngày 31/12/2021, Hòa Phát đang vay ngắn hạn 927,3 triệu USD, vay dài hạn 61,5 triệu USD, và phải trả người bán 732 triệu USD. Tập đoàn của tỷ phú Trần Đình Long cũng chi hàng tỷ USD mỗi năm để nhập các loại nguyên liệu cho quá trình sản xuất thép như quặng sắt và than coke.

Vì vậy, Hòa Phát xác định biến động tỷ giá là một trong những rủi ro lớn đối với hoạt động của tập đoàn.

Để giảm bớt rủi ro tỷ giá, Hòa Phát phấn đấu mở rộng thị trường xuất khẩu để tăng nguồn doanh thu bằng USD, qua đó cân bằng dòng ngoại tệ vào – ra.

Việc tìm kiếm thêm thị trường ở nước ngoài còn giúp tập đoàn tăng doanh thu và sản lượng tiêu thụ trong bối cảnh bán hàng trong nước có dấu hiệu chững lại.

Tỷ trọng xuất khẩu trên tổng tiêu thụ thép xây dựng của Hòa Phát tăng từ 28% trong quý I lên 36% trong quý II/2022.

Chi phí lãi vay của Hòa Phát cũng tăng 19,5% so với cùng kỳ năm ngoái, lên đỉnh mới 717 tỷ đồng, của Pomina tăng từ 99 tỷ lên 123 tỷ. VNSteel và Ống thép Việt Đức cũng ghi nhận lãi vay cao hơn cùng kỳ năm ngoái.

Lãi gộp sa sút trong khi các loại chi phí lên cao khiến cho lợi nhuận ròng của doanh nghiệp thép sút kém trong quý II/2022.

NGUỒN THAM KHẢO

Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA)

Trung tâm Thông tin Công Nghiệp và Thương Mại (VITIC)

Hiệp hội thép Nhật Bản

Viện Sắt thép Mỹ

Báo cáo CTCK BVSC, MBKE

World Steel

MySteel

SteelHome

Trading Economics

Fastmarkets

BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường thép tháng 7/2022” được biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kì chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

ĐỂ THEO DÕI NHỮNG BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP QR CODE:



Báo cáo thị trường thép
tháng 4/2022



Báo cáo thị trường thép
tháng 5/2022



Báo cáo thị trường thép
quý II/2022



Mục “Báo cáo ngành hàng”
- VietnamBiz

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, XIN LIÊN HỆ TỚI:

Trịnh HuyềnTrang

Thư ký toà soạn phụ trách mục Hàng hóa - trang TTĐTTH VietnamBiz

Hotline: 099 522 2999

Email: info@vietnambiz.vn



Địa chỉ: Lầu 3 Tòa nhà COMPA Building, 293 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Chi nhánh: Số 5, ngõ 38A, Phố Trần Phú, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

Hotline: 093 818 9222 **Email:** info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi  VIETNEWSCORP